

Số: 308 /TB-UBND

Móng Cái, ngày 31 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO

Kết quả xét tuyển hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố năm 2018

Căn cứ Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế xét duyệt hồ sơ và xét tuyển hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo";

Căn cứ kết quả xét duyệt hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo của Hội đồng xét duyệt hồ sơ và xét tuyển hợp đồng thành phố năm 2018 tại Biên bản họp ngày 17/8/2018;

Ủy ban nhân dân thành phố thông báo kết quả thẩm định, xét tuyển hồ sơ hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tổng số hồ sơ thí sinh tham gia dự tuyển hợp đồng giáo viên tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố: 79 hồ sơ/91 chỉ tiêu cần tuyển.

2. Kết quả thẩm định, xét tuyển

- 60 trường hợp đủ điều kiện trúng tuyển hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2018, đề nghị Tỉnh xem xét cho ý kiến.

- 17 trường hợp không trúng tuyển hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2018, do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm (tính theo trình độ đào tạo, điểm học tập, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm).

- 02 trường hợp không đủ điều kiện xét tuyển hợp đồng giáo viên vào làm việc tại các trường học trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2018, do đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, chưa nộp được chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo yêu cầu.

(có danh sách cụ thể kèm theo)

Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái thông báo để các ông (bà) có tên trong danh sách như trên biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- TT Thành ủy (b/c);
- TT UBND thành phố;
- Cơ quan TC-NV;
- Phòng GD&ĐT thành phố;
- Trung tâm TT&VH (thông báo trên cổng TTĐT);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Lưu

DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN

(Kèm theo Thông báo số 308/TB-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND thành phố Móng Cái)

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Thời gian tham gia có đóng BHXH	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo tháng điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	CẤP MẦM NON											
	* Hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế viên chức											
1	Nguyễn Thị Dạ Thảo		01/09/1996	Kinh	Giáo viên Mầm non	Đại học SP Giáo dục Mầm non	Khá	B1 Anh	B		76,0	
2	Lê Thị Thu Hà		22/10/1996	Kinh	Giáo viên Mầm non	ĐH ngành Giáo dục Mầm non	Khá	Tiếng anh TĐ chuẩn TOEIC	B		75,7	
3	Lê Thị Huệ		28/01/1997	Kinh	Giáo viên Mầm non	C/đ sư phạm Mầm non	Khá	B Anh	B		72,3	
4	Nguyễn Thị Minh Khuê		25/06/1997	Kinh	Giáo viên Mầm non	C/đ sư phạm Mầm non	TBK	Bậc 3/6 (tiếng anh)	tương đương B		63,9	
5	Nguyễn Thị Lý		04/04/1994	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non; ĐH quản lý giáo dục	Khá	B Anh	B		79	
6	Lê Thị Kíu		17/09/1970	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	Khá	B Anh	B	3 năm 11 tháng	75	
7	Trần Thu Hường		26/09/1994	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	Khá	B Anh	B	12 tháng	71	
8	Phạm Thị Phụng		02/02/1993	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non (đã có giấy công nhận tốt nghiệp ĐHSPP Mầm non)	TBK	B Anh	B	4 năm 8 tháng	71	
9	Đặng Thị Huyền		11/05/1991	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	Khá	B Anh	B	3 năm 9 tháng	70	
10	Vi Thùy Thanh		13/04/1998	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		68	
	* Hợp đồng trong chỉ tiêu HĐLĐ tỉnh											
11	Hà Thị Minh		24/12/1995	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B	2 năm 10 tháng	65	
12	Nguyễn Thị Hà Trang		13/11/1997	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		65	
13	Nguyễn Thị Thương		08/01/1997	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		64	

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Thời gian tham gia có đóng BHXH	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo thang điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14	Hoàng Thị Dung		19/04/1994	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		63	
15	Phạm Thị Thu Huyền		10/09/1998	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		65	
16	Nguyễn Thùy Linh		08/10/1998	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	Khá	B Anh	B		64	
17	Hoàng Thị Nga		03/03/1995	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		67	
18	Phùng Thị Hậu		24/11/1996	Dao	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TB	B Anh	B		67	
19	Vũ Thị Trang		02/02/1994	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B	3 năm 7 tháng	64	
20	Lê Thị Lý		16/03/1992	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B	2 năm 11 tháng	67	
21	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		12/12/1993	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		64	
22	Lê Thị Thiên Hương		20/02/1990	Kinh	Giáo viên Mầm non	T/c sư phạm Mầm non	TBK	B Anh	B		66	
II CẤP TIỂU HỌC												
1	Bùi Thị Thu Hà		02/10/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
2	Đặng Thị Hải Trang		15/11/1995	Dao	Giáo viên văn hóa	C/đ ngành Giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
3	Bùi Thị Thu Huyền		31/10/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
4	Trần Trung Kiên	28/08/1995		Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ ngành Giáo dục tiểu học	Khá	B anh	B	12 tháng		
5	Hoàng Thị Trường		29/04/1997	Tày	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
6	Phạm Thị Huyền		24/08/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
7	Hoàng Hải Yến		30/10/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
8	Hoàng Thị Nhật Lệ		29/04/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
9	Hoàng Hải Yến		22/03/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
10	Đinh Thúy Quỳnh		25/08/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
11	Trần Thị Sen		27/03/1995	Tày	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Thời gian tham gia có đóng BHXH	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo thang điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Trần Thị Thùy Ngân		13/10/1991	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	Khá	B anh	B	11 tháng		
13	Phạm Thị Phương Huyền		13/10/1997	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	Tiếng anh A2	B			
14	Vũ Ngọc Quỳnh		27/09/1989	Kinh	Giáo viên văn hóa	Đại học giáo dục Tiểu học	TBK	C Anh	B			
15	Đoàn Thị Tuyết Trinh		07/08/1993	Kinh	Giáo viên văn hóa	Đại học giáo dục Tiểu học	Khá	B anh	B	4 năm 01 tháng		
16	Hoàng Thị Minh		16/02/1989	Kinh	Giáo viên văn hóa	Đại học giáo dục Tiểu học	Khá	B anh	B			
17	Hứa Thị Mai		22/02/1990	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	TBK	B anh	B			
18	Ngô Thị Thùy Ngân		19/01/1996	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	Giỏi	B anh	B			
19	Nguyễn Minh Phương		06/07/1995	Kinh	Giáo viên văn hóa	C/đ sư phạm giáo dục tiểu học	Khá	B anh	B			
20	Phạm Thị Kiều Phương		23/08/1996	Kinh	Giáo viên Tiếng anh	Đại học sư phạm Tiếng anh	Khá		B		70,8	
21	Lưu Bích Hoàn		13/03/1986	Kinh	Giáo viên Tiếng anh	ĐH ngành Tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	TBK	B2 tiếng anh châu	B		67,7	
22	Vũ Thị Thanh Hoa		07/01/1992	Kinh	Giáo viên Tiếng anh	ĐH sư phạm Tiếng anh	Khá	B2 tiếng anh châu ầu	B		73,2	
III CẤP THCS												
1	Đỗ Thái Hà		08/11/1986	Kinh	Giáo viên Văn	Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học; Đại học ngành Văn học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH xếp loại: Khá	B1 tiếng anh châu ầu; C tiếng anh	B		78	
2	Trần Thị Nghĩa		27/09/1996	Kinh	Giáo viên Văn	Đại học sư phạm Ngữ văn	Khá	A2 tiếng anh	TĐ B		79,9	
3	Nguyễn Thùy Trang		25/09/1995	Kinh	Giáo viên Văn	Đại học sư phạm Ngữ văn	Khá	B anh	TĐ B		75,2	
4	Vũ Thị Thanh Hải		20/12/1988	Kinh	Giáo viên Văn	Thạc sĩ ngành lí luận văn học; Đại học SP Ngữ văn	ĐH xếp loại Khá	B2 tiếng anh khung	B		77,4	
5	Đặng Thị Thịnh		10/04/1989	Kinh	Giáo viên thể dục	Cao đẳng sư phạm Giáo dục thể chất	Giỏi	B anh	B		87	
6	Mễ Thị Hương		22/01/1991	Cao Lan	Giáo viên Toán	Đại học sư phạm Toán học	Khá	B anh	B		71	

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Thời gian tham gia có đóng BHXH	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo thang điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Phạm Thị Thu Hà		19/02/1996	Kinh	Giáo viên Toán	Đại học sư phạm Toán học	Xuất sắc	Tiếng anh Bậc 2	tương đương B		86,8	
8	Đàm Văn Hiệp		26/03/1983	Kinh	Giáo viên Vật lý	Thạc sĩ Vật lý; ĐH ngành Vật lý	ĐH xếp loại TB	B1 anh châu âu	B	10 năm 7 tháng	60	
9	Vũ Thị Nhung		10/01/1991	Kinh	Giáo viên Vật lý	ĐH ngành Vật lý (có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	Khá	B anh	C		78,1	
10	Lương Thị Giang		24/03/1995	Kinh	Giáo viên Sinh học	Đại học sư phạm Sinh học	Khá	Tương đương B	B			
11	Đặng Thị Thùy		27/07/1996	Tày	Giáo viên Sinh học	Đại học sư phạm Sinh học	Khá	A2 tiếng anh	Tương đương B			
12	Vũ Thị Duyên		03/02/1989	Kinh	Giáo viên Hóa	Đại học sư phạm Hóa học	TB	B anh	B			
13	Vi Thị Luyện		17/11/1992	Tày	Giáo viên Hóa	Đại học sư phạm Hóa học	Khá	B anh	B			
14	Phạm Lê Giang		31/10/1996	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Đại học sư phạm Lịch sử	Khá	A2 tiếng anh	Tương đương B			
15	Mạc Thị Nga		15/07/1996	Tày	Giáo viên Lịch sử	Đại học sư phạm Lịch sử	Khá	A2 tiếng anh	Tương đương B			
16	Phạm Thu Hằng		28/12/1996	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Đại học sư phạm Lịch sử	Giỏi	B anh	B			

Ấn định danh sách là 60 người

DANH SÁCH THÍ SINH CÓ THÀNH PHẦN HỒ SƠ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN

(Kèm theo Thông báo số 398/TB-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND thành phố Móng Cái)

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo thang điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp				
7	8	9	10	11		12	13	14	15		16
I	CẤP TIỂU HỌC										
1	Phạm Thị Thúy		04/09/1987	Kinh	Giáo viên văn hóa	Cao đẳng sư phạm giáo dục tiểu học	TBK				Hồ sơ không đủ điều kiện (do đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, chưa cung cấp được chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo yêu cầu.)
II	CẤP THCS										
2	Nông Thùy Linh		27/04/1992	Kinh	Giáo viên Vật lý	ĐH sư phạm Vật lý	Khá	A2 tiếng anh		73,3	Hồ sơ không đủ điều kiện (do đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, chưa cung cấp được chứng chỉ tin học theo yêu cầu)

Ấn định danh sách là 02 người

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN

(Kèm theo Thông báo số 308/TB-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND thành phố Móng Cái)

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo tháng điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp				
7	8	9	10	11		12	13	14	15		16
I CẤP TIỂU HỌC											
1	Hoàng Thị Nhung		24/05/1992	Kinh	Giáo viên Tiếng anh	Cao đẳng sư phạm Tiếng anh	TBK		B	64,2	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
2	Nguyễn Thị Giang		03/01/1996	Kinh	Giáo viên Tiếng anh	Cao đẳng sư phạm Tiếng anh	TBK		B	62,1	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
3	Trần Thị Thu Trang		25/03/1993	Kinh	Giáo viên Tiếng anh	Cao đẳng sư phạm Tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	TB		B	58,8	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
III CẤP THCS											
4	Đoàn Thị Linh		25/10/1997	Kinh	Giáo viên Văn	Cao đẳng sư phạm Ngữ văn	Khá	B anh	B	70,2	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
5	Trần Minh Tăng		17/08/1990	Kinh	Giáo viên Văn	Cao đẳng sư phạm Ngữ văn	TB Khá	B anh	B	64,4	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
6	Phạm Thị Thanh Hường		31/10/1997	Kinh	Giáo viên Văn	Cao đẳng sư phạm Ngữ văn	TB Khá	B anh	B	67,6	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
7	Vũ Thị Nhung		12/11/1996	Kinh	Giáo viên Văn	Cao đẳng sư phạm Ngữ văn	Khá	B anh	B	71,2	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
8	Hoàng Thị Tuyết Nhung		29/03/1991	Kinh	Giáo viên Văn	Đại học sư phạm Ngữ văn	Khá	B anh	B	70,9	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
9	Trương Thị Thu Hiền		10/05/1995	Sán dầu	Giáo viên Văn	Đại học sư phạm Ngữ văn	Khá	B1 tiếng anh 6 bậc đúng cho Việt Nam	tương đương B	72,7	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
10	Hứa Xuân Sang	24/06/1987		Kinh	Giáo viên thể dục	Cao đẳng sư phạm thể dục thể thao	Khá	B anh	B	79,6	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
11	Lương Văn Tùng	19/06/1990		Kinh	Giáo viên thể dục	Cao đẳng sư phạm thể dục thể thao	TBK	B anh	B	66,7	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
12	Bùi Thị Thu Hà		02/11/1997	Kinh	Giáo viên Toán	Cao đẳng sư phạm chuyên ngành Toán - tin	TBK	B anh	CD tin	65,6	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
13	Nguyễn Thị Hào		28/06/1997	Kinh	Giáo viên Toán	Cao đẳng sư phạm chuyên ngành Toán - tin	Giỏi	A2 anh	tương đương B	82,5	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm

TT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Chuyên ngành chuyên môn của người đăng ký dự tuyển		Ngoại ngữ	Tin học	Điểm xét tuyển (Quy đổi theo tháng điểm 100)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp				
7	8	9	10	11		12	13	14	15		16
14	Vi Thị Xuân		18/05/1997	Kinh	Giáo viên Toán	Cao đẳng sư phạm chuyên ngành Toán - tin	Khá	B anh	B	75,8	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
15	Trần Thị Thơm		22/06/1997	Kinh	Giáo viên Toán	Cao đẳng sư phạm chuyên ngành Toán - tin	TB Khá	B anh	B	66,9	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
16	Trần Hải Yến		11/01/1996	Kinh	Giáo viên Toán	Cao đẳng sư phạm chuyên ngành Toán - Lý	Khá	B anh	B	72,3	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm
17	Trần Thị Hiền		10/05/1995	Kinh	Giáo viên Vật lý	ĐH sư phạm Vật lý	Khá	B1 anh châu âu	Tương đương B	71,1	do hết chỉ tiêu được tuyển của từng vị trí việc làm

Ấn định danh sách là 17 người